Trường Đại Học Mỏ - Địa chất
Phòng Đào tạo Đại học
-oOo-

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ)_Kỹ thuật (1_1)

Chuyên Ngành: Tuyển khoáng (MOTK)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Mã Chuyên sâu	Tên hướng chuyên sâu
Học Kỳ Thứ 0						
_AMOTK						
1	4010105	Xác suất thống kê	2	30		
2	4010106	Phương pháp tính	2	30		
3	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	3	45		
4	4010309	Hoá hữu cơ phần 1	2	30		
_BKH03						
1	4030109	Kỹ thuật môi trường mỏ lộ thiên	2	30		
2	4030110	Tin học ứng dụng trong khai thác lộ thiên	2	30		
3	4030111	Tiếng Anh chuyên ngành khai thác lộ thiên	2	30		
4	4030112	Thoát nước mỏ	2	30		
5	4030208	Kỹ thuật môi trường mỏ hầm lò	2	30		
6	4030210	Tin học ứng dụng mỏ hầm lò	2	30		
7	4030221	Tiếng Anh chuyên ngành hầm lò	2	30		
8	4030352	Tiếng Anh chuyên ngành xây dựng công trình ngầm trong mỏ	2	30		
9	4030353	Tin học ứng dụng trong xây dựng công trình ngầm	2	30		
10	4030357	Đào chống lò	3	45		
11	4030358	Qui hoạch mặt mỏ	2	30		
12	4030407	Tự động hóa quá trình tuyển khoáng	2	30		
13	4030414	Bảo vệ môi trường trong tuyển khoáng	2	30		
14	4030417	Luyện kim	2	30		
15	4030420	Quản lí chất lượng sản phẩm	2	30		
16	4030424	Hỏa luyện	2	30		
17	4040207	Địa chất mỏ	2	30		
18	4070202	Định mức kinh tế kỹ thuật trong doanh nghiệp công nghiệp mỏ	2	30		
19	4070206	Quản trị sản xuất trong doanh nghiệp mỏ	3	45		
20	4070210	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp mỏ	3	45		
21	4070305	Kinh tế môi trường	2	30		
22	4090126	Cơ sở cung cấp điện	2	30		
23	4090234	Cơ sở tự động hóa	2	30		
24	4090403	Cơ học máy	3	45		
25	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	2	30		
26	4090539	Máy thủy khí	2	30		
27	4090543	Máy vận tải	2	30		
28	4090544	Máy vận tải và trục tải	2	30		
29	4100149	Quy hoạch không gian ngầm thành phố	2	30		
30	4100150	Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	2	30		

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ)_Kỹ thuật (1_1)

Chuyên Ngành: Tuyển khoáng (MOTK)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Mã Chuyên sâu	Tên hướng chuyên sâu
31	4100159	Đào chống lò	3	45		
32	4100160	Quy hoạch mặt mỏ	2	30		
33	4100160	Quy hoạch mặt mỏ	2	30		
34	4100165	Quy hoạch mặt bằng công nghiệp	2	30		
_CCHUNG						
1	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2	30		
2	4000002	Tâm lý học đại cương	2	30		
3	4000003	Tiếng Việt thực hành	2	30		
4	4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30		
5	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2	30		
6	4000006	Kỹ năng tư duy phê phán	2	30		
7	4010403	Autocad + TH	2	30		
8	4010603	Tiếng Anh 3	2	30		
9	4010604	Tiếng Anh 4	2	30		
10	4010605	Tiếng Nga 1	2	30		
11	4010606	Tiếng Nga 2	2	30		
12	4010607	Tiếng Trung 1	2	30		
13	4010608	Tiếng Trung 2	2	30		
14	4010615	Tiếng Anh 3	3	45		
15	4010616	Tiếng Anh 4	3	45		
16	4010617	Tiếng Anh 5	3	45		
17	4010618	Tiếng Anh 6	3	45		
18	4020104	Lịch sử Triết học	2	30		
19	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2	30		
20	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2	30		
21	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2	30		
22	4040101	Địa chất đại cương	3	45		
23	4040110	Địa mạo cảnh quan	2	30		
24	4040517	Cơ sở dịa chất công trình - địa chất thủy văn	3	45		
25	4040825	Cơ sở sinh vật học	2	30		
26	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL	3	45		
27	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2	30		
28	4050301	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	3	45		
29	4050302	Cơ sở viễn thám	2	30		
30	4050509	Kỹ thuật môi trường	2	30		
31	4050513	Quy hoạch và quản lý môi trường	2	30		
32	4050526	Trắc địa đại cương	2	30		
33	4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	2	30		
34	4050610	Địa chính đô thị	2	30		
35	4050616	Quản lý bất động sản	2	30		
36	4050621	Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai	2	30		
37	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2	30		
38	4050649	Quy hoạch vùng	3	45		
39	4050650	Phương pháp lập dự án đầu tư	2	30		
40	4050653	Quản lý đất đô thị	2	30		

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ)_Kỹ thuật (1_1)

Chuyên Ngành: Tuyển khoáng (MOTK)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Mã Chuyên sâu	Tên hướng chuyên sâu
41	4060142	Địa vật lý đại cương	2	30		
42	4060339	Cơ sở lọc hóa dầu	2	30		
43	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	30		
44	4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3	45		
45	4070331	Quản trị dự án đầu tư	2	30		
46	4070335	Một số vấn đề cơ bản về quản lý Nhà nước trong hoạt động dầu khí	2	30		
47	4070336	Văn hóa doanh nghiệp	2	30		
48	4070401	Nguyên lý kế toán	3	45		
49	4070403	Kế toán tài chính 1	4	60		
50	4080153	Thiết kế Website	2	30		
51	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2	30		
52	4090301	Kỹ thuật điện +TN	3	45		
53	4090595	Kỹ thuật lái ô tô	2	30		
54	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	2	30		
55	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	30		
56	4110130	Địa y học	2	30		
57	4110236	Môi trường và con người	2	30		
58	4110241	An toàn, sức khỏe và môi trường	2	30		
Học Kỳ Thứ 1						
1	4010101	Đại số	3	45		
2	4010102	Giải tích 1	4	60		
3	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	30		
4	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	3	45		
Học Kỳ Thứ 2						
1	4010103	Giải tích 2	3	45		
2	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3	45		
3	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	45		
4	4010613	Tiếng Anh 1	3	45		
5	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	15		
6	4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	45		
7	4020103	Pháp luật đại cương	2	30		
Học Kỳ Thứ 3						
1		Môn tự chọn A (ngành MOTK)	2			
2	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	45		
3	4010401	Hình học họa hình	2	30		
4	4010501	Cơ học lý thuyết 1	3	45		
5	4010614	Tiếng Anh 2	3	45		
6	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	15		
7	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		
8	4040102	Địa chất cơ sở	2	30		

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ)_Kỹ thuật (1_1)

Chuyên Ngành: Tuyển khoáng (MOTK)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Mã Chuyên sâu	Tên hướng chuyên sâu
Học Kỳ Thứ 4						
1		Môn tự chọn A (ngành MOTK)	2			
2	4010402	Vẽ kỹ thuật	2	30		
3	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	15		
4	4030356	Cơ học đá	3	45		
5	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2	30		
6	4030503	Sức bền vật liệu A + BTL1,2 +TN	4	60		
7	4090342	Kỹ thuật điện - điện tử	3	45		
8	4090403	Cơ học máy	3	45		
Học Kỳ Thứ 5						
1		Môn tự chọn A (ngành MOTK)	2			
2	4010305	Hóa phân tích phần 1+ TN	3	45		
3	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	15		
4	4030412	Tin học chuyên ngành tuyển khoáng	2	30		
5	4040313	Tinh thể học - khoáng vật học đại cương	2	30		
6	4090126	Cơ sở cung cấp điện	2	30		
7	4090411	Đồ án cơ học máy	1	15		
8	4090413	Thuỷ lực cơ sở B	2	30		
9	4090545	Vận tải và kho chứa	3	45		
Học Kỳ Thứ 6						
1		Môn tự chọn B (khoa 03)	2			
2		Môn tự chọn C (toàn trường)	2			
3	4010705	Giáo dục thể chất 5	1	15		
4	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3	45		
5	4030401	Chuẩn bị khoáng sản	4	60		
6	4030413	Tiếng Anh chuyên ngành tuyển khoáng	2	30		
7	4030430	Thực tập thăm quan	1	15		
8	4090539	Máy thủy khí	2	30		
Học Kỳ Thứ 7						
1		Môn tự chọn C (toàn trường)	2			
2		Môn tự chọn B (khoa 03)	2			
3	4030402	Tuyển trọng lực	4	60		
4	4030403	Tuyển từ – tuyển điện	2	30		
5	4030406	Khử nước khử bụi	2	30		
6	4030425	Đồ án chuẩn bị khoáng sản	1	15		
7	4030428	Thí nghiệm tuyển khoáng 1	2	30		
Học Kỳ Thứ 8						
1		Môn tự chọn B (khoa 03)	2			
2		Môn tự chọn C (toàn trường)	2			
3	4030404	Tuyển nổi	3	45		

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ)_Kỹ thuật (1_1)

Chuyên Ngành: Tuyển khoáng (MOTK)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Mã Chuyên sâu	Tên hướng chuyên sâu
4	4030408	Lấy mẫu kiểm tra kỹ thuật	2	30		
5	4030410	Thiết kế xưởng tuyển	3	45		
6	4030411	Nghiên cứu tính khả tuyển	2	30		
7	4030423	An toàn và vệ sinh lao động trong xưởng tuyển	2	30		
8	4030426	Đồ án tuyển trọng lực	1	15		
Học Kỳ Thứ 9						
1		Môn tự chọn C (toàn trường)	2		MOTK_MOTK1	Tuyển quặng
2		Môn tự chọn B (khoa 03)	2		MOTK_MOTK1	Tuyển quặng
3	4030405	Hóa tuyển	2	30	MOTK_MOTK1	Tuyển quặng
4	4030415	Làm giầu nguyên liệu khoáng không kim loại	2	30	MOTK_MOTK1	Tuyển quặng
5	4030416	Làm giầu nguyên liệu khoáng kim loại	2	30	MOTK_MOTK1	Tuyển quặng
6	4030419	Chế biến tinh nguyên liệu khoáng	2	30	MOTK_MOTK1	Tuyển quặng
7	4030427	Đồ án tuyển nổi	1	15	MOTK_MOTK1	Tuyển quặng
8	4030429	Thí nghiệm tuyển khoáng 2	2	30	MOTK_MOTK1	Tuyển quặng
9		Môn tự chọn C (toàn trường)	2		MOTK_MOTK2	Tuyển than
10		Môn tự chọn B (khoa 03)	2		MOTK_MOTK2	Tuyển than
11	4030409	Tiêu chuẩn phân tích	2	30	MOTK_MOTK2	Tuyển than
12	4030414	Bảo vệ môi trường trong tuyển khoáng	2	30	MOTK_MOTK2	Tuyển than
13	4030418	Thực tế tuyển than	2	30	MOTK_MOTK2	Tuyển than
14	4030421	Chế biến than	2	30	MOTK_MOTK2	Tuyển than
15	4030427	Đồ án tuyển nổi	1	15	MOTK_MOTK2	Tuyển than
16	4030429	Thí nghiệm tuyển khoáng 2	2	30	MOTK_MOTK2	Tuyển than
Học Kỳ Thứ 10						
1	4030431	Thực tập sản xuất	3	45	MOTK_MOTK1	Tuyển quặng
2	4030432	Thực tập tốt nghiệp	4	60	MOTK_MOTK1	Tuyển quặng
3	4030433	Đồ án tốt nghiệp	7	105	MOTK_MOTK1	Tuyển quặng
4	4030431	Thực tập sản xuất	3	45	MOTK_MOTK2	Tuyển than
5	4030432	Thực tập tốt nghiệp	4	60	MOTK_MOTK2	Tuyển than
6	4030433	Đồ án tốt nghiệp	7	105	MOTK_MOTK2	Tuyển than

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu

Trường Đại Học Mỏ - Địa chất
Phòng Đào tạo Đại học
-oOo-

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ)_Kỹ thuật (1_1)

Chuyên Ngành: Tuyển luyện quặng kim loại (MOTL)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Mã Chuyên sâu	Tên hướng chuyên sâu
Học Kỳ Thứ 0						
_AMOTL						
1	4010105	Xác suất thống kê	2	30		
2	4010106	Phương pháp tính	2	30		
3	4010110	Toán tối ưu	2	30		
4	4010309	Hoá hữu cơ phần 1	2	30		
5	4040102	Địa chất cơ sở	2	30		
_BKH03						
1	4030109	Kỹ thuật môi trường mỏ lộ thiên	2	30		
2	4030110	Tin học ứng dụng trong khai thác lộ thiên	2	30		
3	4030111	Tiếng Anh chuyên ngành khai thác lộ thiên	2	30		
4	4030112	Thoát nước mỏ	2	30		
5	4030208	Kỹ thuật môi trường mỏ hầm lò	2	30		
6	4030210	Tin học ứng dụng mỏ hầm lò	2	30		
7	4030221	Tiếng Anh chuyên ngành hầm lò	2	30		
8	4030352	Tiếng Anh chuyên ngành xây dựng công trình ngầm trong mỏ	2	30		
9	4030353	Tin học ứng dụng trong xây dựng công trình ngầm	2	30		
10	4030357	Đào chống lò	3	45		
11	4030358	Qui hoạch mặt mỏ	2	30		
12	4030407	Tự động hóa quá trình tuyển khoáng	2	30		
13	4030414	Bảo vệ môi trường trong tuyển khoáng	2	30		
14	4030417	Luyện kim	2	30		
15	4030420	Quản lí chất lượng sản phẩm	2	30		
16	4030424	Hỏa luyện	2	30		
17	4040207	Địa chất mỏ	2	30		
18	4070202	Định mức kinh tế kỹ thuật trong doanh nghiệp công nghiệp mỏ	2	30		
19	4070206	Quản trị sản xuất trong doanh nghiệp mỏ	3	45		
20	4070210	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp mỏ	3	45		
21	4070305	Kinh tế môi trường	2	30		
22	4090126	Cơ sở cung cấp điện	2	30		
23	4090234	Cơ sở tự động hóa	2	30		
24	4090403	Cơ học máy	3	45		
25	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	2	30		
26	4090539	Máy thủy khí	2	30		
27	4090543	Máy vận tải	2	30		
28	4090544	Máy vận tải và trục tải	2	30		
29	4100149	Quy hoạch không gian ngầm thành phố	2	30		

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ)_Kỹ thuật (1_1)

Chuyên Ngành: Tuyển luyện quặng kim loại (MOTL)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Mã Chuyên sâu	Tên hướng chuyên sâu
30	4100150	Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	2	30		
31	4100159	Đào chống lò	3	45		
32	4100160	Quy hoạch mặt mỏ	2	30		
33	4100160	Quy hoạch mặt mỏ	2	30		
34	4100165	Quy hoạch mặt bằng công nghiệp	2	30		
_CCHUNG						
1	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2	30		
2	4000002	Tâm lý học đại cương	2	30		
3	4000003	Tiếng Việt thực hành	2	30		
4	4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30		
5	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2	30		
6	4000006	Kỹ năng tư duy phê phán	2	30		
7	4010403	Autocad + TH	2	30		
8	4010603	Tiếng Anh 3	2	30		
9	4010604	Tiếng Anh 4	2	30		
10	4010605	Tiếng Nga 1	2	30		
11	4010606	Tiếng Nga 2	2	30		
12	4010607	Tiếng Trung 1	2	30		
13	4010608	Tiếng Trung 2	2	30		
14	4010615	Tiếng Anh 3	3	45		
15	4010616	Tiếng Anh 4	3	45		
16	4010617	Tiếng Anh 5	3	45		
17	4010618	Tiếng Anh 6	3	45		
18	4020104	Lịch sử Triết học	2	30		
19	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2	30		
20	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2	30		
21	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2	30		
22	4040101	Địa chất đại cương	3	45		
23	4040110	Địa mạo cảnh quan	2	30		
24	4040517	Cơ sở dịa chất công trình - địa chất thủy văn	3	45		
25	4040825	Cơ sở sinh vật học	2	30		
26	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL	3	45		
27	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2	30		
28	4050301	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	3	45		
29	4050302	Cơ sở viễn thám	2	30		
30	4050509	Kỹ thuật môi trường	2	30		
31	4050513	Quy hoạch và quản lý môi trường	2	30		
32	4050526	Trắc địa đại cương	2	30		
33	4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	2	30		
34	4050610	Địa chính đô thị	2	30		
35	4050616	Quản lý bất động sản	2	30		
36	4050621	Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai	2	30		
37	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2	30		
38	4050649	Quy hoạch vùng	3	45		
39	4050650	Phương pháp lập dự án đầu tư	2	30		

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ)_Kỹ thuật (1_1)

Chuyên Ngành: Tuyển luyện quặng kim loại (MOTL)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Mã Chuyên sâu	Tên hướng chuyên sâu
40	4050653	Quản lý đất đô thị	2	30		
41	4060142	Địa vật lý đại cương	2	30		
42	4060339	Cơ sở lọc hóa dầu	2	30		
43	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	30		
44	4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3	45		
45	4070331	Quản trị dự án đầu tư	2	30		
46	4070335	Một số vấn đề cơ bản về quản lý Nhà nước trong hoạt động dầu khí	2	30		
47	4070336	Văn hóa doanh nghiệp	2	30		
48	4070401	Nguyên lý kế toán	3	45		
49	4070403	Kế toán tài chính 1	4	60		
50	4080153	Thiết kế Website	2	30		
51	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2	30		
52	4090301	Kỹ thuật điện +TN	3	45		
53	4090595	Kỹ thuật lái ô tô	2	30		
54	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	2	30		
55	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	30		
56	4110130	Địa y học	2	30		
57	4110236	Môi trường và con người	2	30		
58	4110241	An toàn, sức khỏe và môi trường	2	30		
Học Kỳ Thứ 1						
1	4010101	Đại số	3	45		
2	4010102	Giải tích 1	4	60		
3	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	30		
4	4020103	Pháp luật đại cương	2	30		
5	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	3	45		
Học Kỳ Thứ 2						
1	4010103	Giải tích 2	3	45		
2	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3	45		
3	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	45		
4	4010401	Hình học họa hình	2	30		
5	4010613	Tiếng Anh 1	3	45		
6	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	15		
7	4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	45		
Học Kỳ Thứ 3						
1		Môn tự chọn A (ngành MOTL)	2			
2	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3	45		
3	4010303	Hoá vô cơ phần 1 + TN	3	45		
4	4010402	Vẽ kỹ thuật	2	30		
5	4010501	Cơ học lý thuyết 1	3	45		
6	4010614	Tiếng Anh 2	3	45		
7	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	15		

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ)_Kỹ thuật (1_1)

Chuyên Ngành: Tuyển luyện quặng kim loại (MOTL)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Mã Chuyên sâu	Tên hướng chuyên sâu
8	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		
Học Kỳ Thứ 4						
1		Môn tự chọn C (toàn trường)	2			
2		Môn tự chọn A (ngành MOTL)	2			
3	4010304	Hoá vô cơ phần 2	2	30		
4	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	15		
5	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2	30		
6	4030504	Sức bền vật liệu B	2	30		
7	4040313	Tinh thể học - khoáng vật học đại cương	2	30		
8	4090403	Cơ học máy	3	45		
Học Kỳ Thứ 5						
1		Môn tự chọn A (ngành MOTL)	2			
2		Môn tự chọn B (khoa 03)	2			
3	4010305	Hóa phân tích phần 1+ TN	3	45		
4	4010705	Giáo dục thể chất 5	1	15		
5	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3	45		
6	4030436	NĐH và ĐH các phản ứng luyện kim	2	30		
7	4030437	Đập-Nghiền-Sàng-Phân cấp	3	45		
8	4090413	Thuỷ lực cơ sở B	2	30		
Học Kỳ Thứ 6						
1		Môn tự chọn B (khoa 03)	2			
2		Môn tự chọn C (toàn trường)	2			
3	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	15		
4	4030404	Tuyển nổi	3	45		
5	4030430	Thực tập thăm quan	1	15		
6	4030438	Đồ án Đập-Sàng	1	15		
7	4030439	Các phương pháp tuyển dựa vào tính chất vật lý	3	45		
8	4030459	Hỏa luyện	3	45		
9	4090342	Kỹ thuật điện - điện tử	3	45		
Học Kỳ Thứ 7						
1		Môn tự chọn B (khoa 03)	2			
2		Môn tự chọn C (toàn trường)	2			
3	4030412	Tin học chuyên ngành tuyển khoáng	2	30		
4	4030423	An toàn và vệ sinh lao động trong xưởng tuyển	2	30		
5	4030427	Đồ án tuyển nổi	1	15		
6	4030440	Lò luyện kim	2	30		
7	4030443	Thủy luyện	3	45		
8	4030445	Điện phân	3	45		

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ)_Kỹ thuật (1_1)

Chuyên Ngành: Tuyển luyện quặng kim loại (MOTL)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Mã Chuyên sâu	Tên hướng chuyên sâu
Học Kỳ Thứ 8						
1		Môn tự chọn B (khoa 03)	2			
2		Môn tự chọn C (toàn trường)	2			
3	4030434	Lấy mẫu kiểm tra kỹ thuật xưởng Tuyển-luyện	2	30		
4	4030435	Anh văn chuyên ngành Tuyển-Luyện	2	30		
5	4030441	Đồ án thiết kế lò luyện kim	1	15		
6	4030444	Đồ án Thủy luyện	1	15		
7	4030446	Thí nghiệm 1 (Tuyển khoáng)	1	15		
8	4030449	Công nghệ luyện kim loại màu nặng	3	45		
Học Kỳ Thứ 9						
1	4030447	Thí nghiệm 2 (Thủy luyện-Điện phân)	1	15	MOTL_MOTL1	Luyện quặng
2	4030448	Thí nghiệm 3 (Hỏa luyện)	1	15	MOTL_MOTL1	Luyện quặng
3	4030450	Công nghệ luyện kim loại màu nhẹ	3	45	MOTL_MOTL1	Luyện quặng
4	4030451	Công nghệ luyện gang-thép	3	45	MOTL_MOTL1	Luyện quặng
5	4030455	Luyện kim loại sạch	2	30	MOTL_MOTL1	Luyện quặng
6	4030456	Công nghệ luyện kim hiếm	2	30	MOTL_MOTL1	Luyện quặng
7	4030457	Công nghệ luyện và tái chế vàng	2	30	MOTL_MOTL1	Luyện quặng
8	4030458	Thiết kế xưởng luyện kim	2	30	MOTL_MOTL1	Luyện quặng
9	4030406	Khử nước khử bụi	2	30	MOTL_MOTL2	Tuyển quặng
10	4030447	Thí nghiệm 2 (Thủy luyện-Điện phân)	1	15	MOTL_MOTL2	Tuyển quặng
11	4030448	Thí nghiệm 3 (Hỏa luyện)	1	15	MOTL_MOTL2	Tuyển quặng
12	4030450	Công nghệ luyện kim loại màu nhẹ	3	45	MOTL_MOTL2	Tuyển quặng
13	4030451	Công nghệ luyện gang-thép	3	45	MOTL_MOTL2	Tuyển quặng
14	4030452	Tuyển quặng kim loại đen	2	30	MOTL_MOTL2	Tuyển quặng
15	4030453	Tuyển quặng kim loại màu và quý hiếm	2	30	MOTL_MOTL2	Tuyển quặng
16	4030454	Thiết kế xưởng tuyển quặng	2	30	MOTL_MOTL2	Tuyển quặng
Học Kỳ Thứ 10						
1	4030431	Thực tập sản xuất	3	45	MOTL_MOTL1	Luyện quặng
2	4030432	Thực tập tốt nghiệp	4	60	MOTL_MOTL1	Luyện quặng
3	4030433	Đồ án tốt nghiệp	7	105	MOTL_MOTL1	Luyện quặng
4	4030431	Thực tập sản xuất	3	45	MOTL_MOTL2	Tuyển quặng
5	4030432	Thực tập tốt nghiệp	4	60	MOTL_MOTL2	Tuyển quặng
6	4030433	Đồ án tốt nghiệp	7	105	MOTL_MOTL2	Tuyển quặng

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu